



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2011

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Nhựa Đông Á được thành lập theo Quyết định số 123/1998/QĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0000000000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 12/01/2000. Tên đầy đủ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập Đoàn Nhựa Đông Á.

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 28

Đến nay, Công ty đã hoạt động ổn định và đạt được những thành tựu đáng kể. Các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính và quản lý đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Công ty đã duy trì được vị thế vững chắc trên thị trường và tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh. Các báo cáo tài chính được kiểm toán độc lập và công bố công khai, minh bạch. Công ty luôn chú trọng đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Công ty cũng tích cực tham gia các hoạt động xã hội, đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước.

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại: (04) 26891 888 - Fax: (04) 26861 616
Website: www.dongastore.com.vn

Đông Á Store là một trong những thương hiệu hàng đầu Việt Nam. Chúng tôi luôn nỗ lực để mang đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng cao, đa dạng chủng loại và giá cả hợp lý. Chúng tôi mong muốn được đồng hành cùng khách hàng trên hành trình phát triển và thịnh vượng.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính 2011.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/02/2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB-HĐTV - ĐA ngày 15/08/2006 và Quyết định số 190/QĐ-HĐTV -ĐA ngày 19/09/2006, Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã có 03 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18 tháng 04 năm 2011 thì vốn điều lệ của Công ty là: **125.000.0000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng).

Tên giao dịch quốc tế của Công ty: DONG A PLASTIC GROUP JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt: Tập đoàn Đông Á

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar; phòng hát Karaoke, vũ trường).
- Đầu tư, xây dựng nhà ở;
- Gia công cơ khí;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội
Tel: (04) 26891 888 Fax: (04) 26861 616
Văn phòng giao dịch: Tầng 6 toà nhà DMC Tower số 535 Kim Mã - Ba Đình - Hà Nội
Điện thoại: (04) 7342 888 Fax: (04) 7710 789

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2011 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Bá Hùng

Chủ tịch

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Bà Trần Thị Lê Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tính	Thành viên
Ông Marume Mitsuo	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Trần Thị Lê Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Cao Long	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 28/09/2011)
Ông Nguyễn Ngọc Luận	Phó Tổng giám đốc (bỏ nhiệm ngày 28/09/2011)
Ông Nguyễn Phú Thắng	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó Tổng giám đốc
Bà Lưu Thị Thúy Hiền	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 21/11/2011)
Bà Mai Thu Hà	Kế toán trưởng (bỏ nhiệm ngày 21/11/2011)

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2011.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

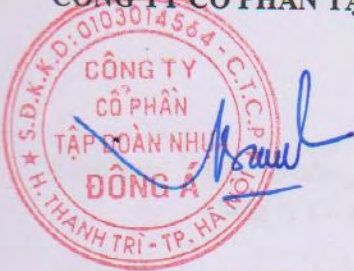
Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á



Trần Thị Lê Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2012





Số : *18*...-12/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011
của Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011 được lập ngày 20 tháng 02 năm 2012 của Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 07 đến trang 28 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Thuyết minh Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 05, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2011:

- Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định khác về kế toán tại Việt Nam.



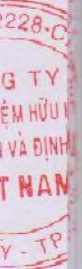
Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn
Tổng giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		382.399.578.360	237.766.882.485
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		18.374.238.991	1.634.003.656
1 Tiền	111	V.1.	18.374.238.991	1.634.003.656
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		156.603.128.134	110.305.895.343
1 Phải thu của khách hàng	131		142.145.620.316	102.275.684.697
2 Trả trước cho người bán	132		9.386.402.298	7.949.345.915
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	6.234.405.545	1.113.066.289
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.163.300.025)	(1.032.201.558)
IV Hàng tồn kho	140		203.161.628.309	122.262.252.952
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	203.161.628.309	122.262.252.952
V Tài sản ngắn hạn khác	150		4.260.582.926	3.564.730.534
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		119.451.708	53.724.898
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.061.149.765	39.836.200
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	467.247.107	459.276.582
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		2.612.734.346	3.011.892.854
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		187.010.700.916	155.417.355.069
I Các khoản phải thu dài hạn	210		150.520.725	-
4 Phải thu dài hạn khác	218		150.520.725	-
II Tài sản cố định	220		168.495.122.140	147.998.125.110
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	131.205.146.304	80.718.930.920
- Nguyên giá	222		176.487.393.654	115.264.267.745
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.282.247.350)	(34.545.336.825)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.6.	7.899.404.694	3.639.699.149
- Nguyên giá	225		9.100.935.530	3.728.518.728
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.201.530.836)	(88.819.579)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	43.226.956	119.397.691
- Nguyên giá	228		407.819.466	407.819.466
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(364.592.510)	(288.421.775)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8.	29.347.344.186	63.520.097.350
III Bất động sản đầu tư	240	V.9.	3.353.348.222	3.421.783.900
- Nguyên giá	241		3.421.783.900	3.421.783.900
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(68.435.678)	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		15.011.709.830	3.997.446.059
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	14.841.899.830	3.621.085.334
3. Tài sản dài hạn khác	268		169.810.000	376.360.725
VI Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		569.410.279.276	393.184.237.554

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2011	01/01/2011
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		418.331.226.884	268.172.608.385
I Nợ ngắn hạn	310		363.369.162.459	226.165.576.863
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11.	207.796.520.023	122.439.506.474
2 Phải trả người bán	312		69.766.932.715	58.425.257.294
3 Người mua trả tiền trước	313		59.890.845.992	31.382.427.377
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12.	7.302.747.828	2.935.356.290
5 Phải trả người lao động	315		2.849.306.273	2.271.545.028
6 Chi phí phải trả	316	V.13.	564.356.196	345.163.733
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14.	15.198.453.432	8.366.320.667
II Nợ dài hạn	330		54.962.064.425	42.007.031.522
3 Phải trả dài hạn khác	333		105.000.000	-
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.15.	34.528.846.583	15.355.591.218
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.16.	9.353.236	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338	V.17.	20.318.864.606	26.651.440.304
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		151.079.052.393	125.011.629.169
I Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	151.079.052.393	125.011.629.169
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	100.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		4.050.000.000	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(779.218.761)	780.629.594
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		3.239.682.853	2.441.189.359
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		2.776.281.011	1.983.695.358
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.760.063.750	961.570.256
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.032.243.540	18.844.544.602
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		569.410.279.277	393.184.237.554

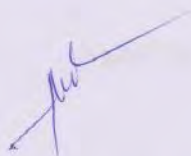
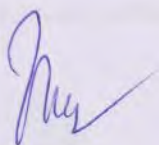
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thu Hiền

Mai Thu Hà

Trần Thị Lê Hải

Mẫu số B02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.19.	603.579.671.602	331.076.622.326
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.20.	3.717.117.066	2.712.787.667
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.21.	599.862.554.536	328.363.834.659
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.22.	510.102.084.492	259.580.563.430
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		89.760.470.044	68.783.271.229
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.23.	116.688.573	51.703.818
7 Chi phí tài chính	22	VI.24.	36.502.763.359	17.164.197.187
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>34.207.758.810</i>	<i>13.308.579.148</i>
8 Chi phí bán hàng	24		20.141.834.724	14.893.121.412
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.500.645.795	15.058.392.664
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		16.731.914.739	21.719.263.784
11 Thu nhập khác	31		13.920.126.000	676.993.098
12 Chi phí khác	32		12.087.148.936	253.414.270
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.832.977.064	423.578.828
14 Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		18.564.891.803	22.142.842.612
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		4.095.238.425	2.044.002.623
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.16.	9.353.236	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		14.460.300.143	20.098.839.989
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		14.460.300.143	20.098.839.989
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.21.	1.222	2.010

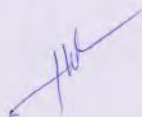
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thu Hiền

Mai Thu Hà

Trần Thị Lê Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		738.588.463.565	392.775.587.685
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(777.340.587.625)	(378.967.060.019)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(23.508.667.376)	(16.824.329.892)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(34.207.758.810)	(17.579.882.133)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(475.830.236)	(1.563.374.133)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		95.130.871.813	44.565.002.492
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(86.405.606.208)	(36.422.249.495)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(88.219.114.877)	(14.016.305.495)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(23.955.544.953)	(16.042.030.902)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		79.663.761	47.419.473
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		116.688.473	42.400.368
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(23.759.192.719)	(15.952.211.061)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		29.050.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		473.635.868.635	232.332.262.481
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(369.105.599.721)	(191.984.777.567)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.853.980.000)	(9.789.180.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		128.726.288.914	30.558.304.914
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		16.747.981.318	589.788.358
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1.	1.634.003.656	1.042.934.381
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(7.745.983)	1.280.917
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1.	18.374.238.991	1.634.003.656

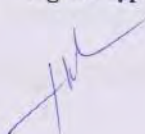
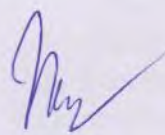
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thu Hiền

Mai Thu Hà

Trần Thị Lê Hải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011
(tiếp theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/02/2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB-HĐTV - ĐA ngày 15/08/2006 và Quyết định số 190/QĐ-HĐTV -ĐA ngày 19/09/2006, Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã có 03 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18 tháng 04 năm 2011 thì vốn điều lệ của Công ty là: **125.000.0000.000 VND** (Bằng chữ: *Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng*).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại các mặt hàng sắt thép, kim khí xây dựng cơ bản và gia công sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép, kết cấu thép.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar; phòng hát Karaoke, vũ trường).
- Đầu tư, xây dựng nhà ở;
- Gia công cơ khí;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội
Tel: (04) 26891 888 Fax: (04) 26861 616

4. Danh sách các công ty con được hợp nhất của Công ty

- Số lượng công ty con: 3 công ty
- Số lượng công ty con được hợp nhất: 3 công ty

1. Công ty TNHH Nhựa Đông Á

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn - Phú Lý - Hà Nam
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

2. Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Xã Ngọc Hồi - Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

(tiếp theo)

3. Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á Địa chỉ: Lô số 36 - Đường Tân Tạo - Khu Công nghiệp Tân Tạo A - Quận Bình Tân - TP Hồ Chí Minh
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Phương pháp hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần bị lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến

Ban Giám đốc Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 và tin tưởng việc áp dụng theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Nếu áp dụng chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10, lợi nhuận của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2011 sẽ tăng 779.218.761 VND và khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2011 sẽ có số dư nợ với một khoản tiền tương ứng.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

2022
CÔNG
CH NHIỆM
TOÁN VÀ
VIỆT N
GIẤY -

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011
(tiếp theo)

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của các Công ty mà Công ty nắm giữ trực tiếp trên 50% vốn cổ phần trở lên tại ngày 30/06/2011. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với Công ty con và giữa các Công ty con với nhau đã được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo hợp nhất, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập xuất.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

4.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

8-C
TY
HỮU H
ĐINH GI
AM
TP. H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011
(tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao <năm></u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	3-7,5
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4-5

4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán Effect và phần mềm quản lý

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính .

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình.

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao <năm></u>
Phần mềm kế toán Effect	4
Hệ thống quản lý ISO 9001	4

4. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là xe ô tô và máy móc thiết bị, được ghi nhận là TSCĐ thuê tài chính theo hợp đồng thuê mua với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease và Công ty CP Cho thuê tài chính NH Ngoại Thương, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 06 – Thuê tài sản. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với các tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, cụ thể số năm trích khấu hao đối với từng nhóm tài sản như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Năm 2011
(tiếp theo)**

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao

Máy móc thiết bị

6

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn

6

4.3 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư và khấu hao

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất lô đất có diện tích 960m² tại Khu công nghiệp Ngọc Hồi với nguyên giá là 3.421.783.900 VND do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp. Công ty thực hiện khấu hao Bất động sản đầu tư là 50 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

Giá trị bao bì luân chuyển, đồ dùng cho thuê;

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khu công nghiệp Châu Sơn quy định. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào thời gian sử dụng và hợp đồng quy định.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán sản phẩm nhựa truyền thống (như tấm trần, các loại phào, nẹp, tấm cửa và khung bao), sản phẩm nhựa UPVC, doanh thu cung cấp dịch vụ thi công lắp đặt, doanh thu từ tiền lãi tiền gửi và doanh thu khác.

10120
CỔ
RÚCH N
EM TO
VIỆ
GIÁ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011
(tiếp theo)

- Doanh thu bán vật tư, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".
- Doanh thu cung cấp dịch vụ thi công lắp đặt được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.
- Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

12.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của đơn vị gồm chi phí xây dựng nhà máy tại khu công nghiệp Ngọc Hồi, dự án nâng cấp dây truyền sản xuất nhôm, dự án dây truyền sản xuất Mica và các dự án khác đang trong quá trình xây dựng được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011
(tiếp theo)

12.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

12.4 Nguyên tắc trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của công ty được lập cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán và các khoản phải thu của các tổ chức kinh tế đã bị phá sản và đang làm thủ tục giải thể, theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

12.4 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất là 10% đối với các vật tư, sản phẩm, hàng hóa từ nhựa và 0% đối với các mặt hàng xuất khẩu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 25% trên lợi nhuận chịu thuế đối với phần thu nhập của hoạt động chịu

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

12.6 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt tại quỹ	977.083.693	59.915.594
Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á	513.828.606	851.765
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	359.305.958	2.743.430
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	97.923.135	28.684.200
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á	6.025.994	27.636.199

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011
 (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng	17.397.155.298	1.574.088.062
Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á	2.324.797.739	1.160.768.418
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	14.447.741.159	364.929.595
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	621.334.288	45.966.006
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á	3.282.112	2.424.043
Cộng	18.374.238.991	1.634.003.656
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ông Nguyễn Đức Dũng	-	11.473.751
Trịnh Trung B001DN hàng ký gửi	-	38.219.904
CT cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại thương VN	1.909.747.723	334.673.554
GAOMING Foreign Trade Enterprise	864.362.000	-
Hoàng Văn Võ	1.650.000	13.650.000
Các đối tượng khác	3.363.782.941	715.049.080
Dư nợ TK 338	94.862.881	-
Cộng	6.234.405.545	1.113.066.289
3. Hàng tồn kho	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	6.923.882	7.286.506.479
Nguyên liệu, vật liệu	112.150.675.717	39.217.120.740
Công cụ, dụng cụ	1.542.004.734	1.410.275.134
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.131.442.770	15.124.726.977
Thành phẩm	22.013.182.088	20.848.115.376
Hàng hoá	55.316.539.543	38.374.648.671
Hàng gửi đi bán	859.575	859.575
Cộng giá gốc hàng tồn kho	203.161.628.309	122.262.252.952
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT	7.970.525	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	459.276.582	459.276.582
Cộng	467.247.107	459.276.582

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội

Tel: (04) 26891 888 Fax: (04) 26861 616

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính 2011

Mẫu số B09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

(tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định		Đơn vị tính: VND
						Khác	Cộng	
Nguyên giá								
Số dư ngày 01/01/2011		44.421.117.189	60.630.174.643	9.395.599.400	764.197.506	53.179.007	115.264.267.745	
Mua trong năm		-	15.445.322.306	8.209.794.070	208.056.333	-	23.863.172.709	
Đầu tư XDCB hoàn thành		43.859.233.235	-	-	-	-	43.859.233.235	
Tăng do phân loại		-	-	-	-	-	-	
Giảm do phân loại		-	(5.601.073.671)	-	-	-	(5.601.073.671)	
Thanh lý, nhượng bán		-	(873.390.909)	-	(24.815.455)	-	(898.206.364)	
Giảm khác		-	-	-	-	-	-	
Số dư ngày 31/12/2011		88.280.350.424	69.601.032.369	17.605.393.470	947.438.384	53.179.007	176.487.393.654	
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư ngày 01/01/2011		6.519.068.066	19.430.783.155	8.001.536.007	555.264.102	38.685.495	34.545.336.825	
Khấu hao trong năm		2.683.319.529	7.552.906.487	814.086.549	189.950.964	13.294.730	11.253.558.259	
Tăng khác		-	-	138.980.755	-	-	138.980.755	
Giảm do phân loại		-	(618.220.677)	-	-	-	(618.220.677)	
Thanh lý, nhượng bán		-	(15.646.880)	-	(21.760.932)	-	(37.407.812)	
Giảm khác		-	-	-	-	-	-	
Số dư ngày 31/12/2011		9.202.387.595	26.349.822.085	8.954.603.311	723.454.134	51.980.225	45.282.247.350	
Giá trị còn lại								
Số dư ngày 01/01/2011		37.902.049.123	41.199.391.488	1.394.063.393	208.933.404	14.493.512	80.718.930.920	
Tại ngày 31/12/2011		79.077.962.829	43.251.210.284	8.650.790.159	223.984.250	1.198.782	131.205.146.304	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011
 (tiếp theo)

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2011	3.499.861.859	228.656.869	3.728.518.728
Mua trong năm	-	-	-
Tăng do phân loại	5.601.073.671	-	5.601.073.671
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	(228.656.869)	(228.656.869)
Số dư ngày 31/12/2011	9.100.935.530		9.100.935.530
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2011	-	88.819.579	88.819.579
Khấu hao trong năm	583.310.159	-	583.310.159
Tăng do phân loại	618.220.677	-	618.220.677
Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
Giảm khác	-	(88.819.579)	(88.819.579)
Số dư ngày 31/12/2011	1.201.530.836	-	1.201.530.836
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2011	3.499.861.859	139.837.290	3.639.699.149
Tại ngày 31/12/2011	7.899.404.694	-	7.899.404.694

7. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Hệ thống quản lý ISO 9001	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2011	387.972.800	19.846.666	407.819.466
Mua trong năm	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2011	387.972.800	19.846.666	407.819.466
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2011	270.642.436	17.779.339	288.421.775
Khấu hao trong năm	74.103.408	2.067.327	76.170.735
Tăng khác	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2011	344.745.844	19.846.666	364.592.510
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2011	117.330.364	2.067.327	119.397.691
Tại ngày 31/12/2011	43.226.956	-	43.226.956

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011
 (tiếp theo)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	1.527.546.392	7.980.866.243
Xây dựng cơ bản dở dang	27.819.797.794	55.539.231.107
Khu công nghiệp Ngọc Hồi - Dự án Công ty TNHH MTV SMW	1.792.522.400	1.792.522.400
Khu công nghiệp Tân Tạo - Dự án Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	-	38.955.466.388
Nhà xưởng sản xuất nhôm Composite tại Hà Nam	-	8.084.822.940
Nâng cấp hệ thống nhà xưởng	4.035.256.619	6.706.419.379
Dây chuyền sản xuất nhôm	8.666.701.751	-
Dây chuyền sản xuất Mica	9.397.038.508	-
Chi phí làm hầm lên xuống hàng bạt Hiflex	157.218.668	-
Máy sản xuất thanh nhựa profile	3.771.059.848	-
Cộng	29.347.344.186	63.520.097.350

9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	01/01/2011	Tăng trong năm	Giảm trong năm
Nguyên giá	3.421.783.900	-	-
Quyền sử dụng đất	3.421.783.900	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	68.435.678	-
Quyền sử dụng đất	-	68.435.678	-
Giá trị còn lại	3.421.783.900	-	-
Quyền sử dụng đất	3.421.783.900	-	-
			31/12/2011
			3.421.783.900
			3.421.783.900
			68.435.678
			68.435.678
			3.353.348.222
			3.353.348.222

10. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quyền sử dụng đất có thời hạn	9.982.073.878	-
Chi phí chung của Văn phòng	1.680.059.715	973.956.408
Công cụ dụng cụ	3.179.766.237	1.342.599.311
Các khoản chi phí khác	-	1.304.529.615
Cộng	14.841.899.830	3.621.085.334

11. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>	207.398.020.283	114.835.757.441
Ngân hàng TMCP Quân đội (*)	177.401.015.485	89.986.632.125
VND	165.441.702.326	66.937.226.930
USD	11.959.313.159	23.049.405.195
Ngân hàng Tiên phong	-	13.322.005.786
VND	-	5.428.552.230
USD	-	7.893.453.556
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (**)	29.997.004.798	11.527.119.530
VND	29.997.004.798	8.048.553.850
USD	-	3.478.565.680

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011
(tiếp theo)

Nợ dài hạn đến hạn trả	398.499.740	7.603.749.033
Vay dài hạn đến hạn phải trả	398.499.740	6.847.156.952
Nợ dài hạn đến hạn phải trả	-	731.894.542
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease	-	24.697.539
Cộng	207.796.520.023	122.439.506.474

(*) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội gồm hai khoản vay bằng VND và USD:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 109.11.004.369260.TD.DN ngày 28/03/2011, hạn mức tín dụng 180.000.000.000 đồng, thời hạn giải ngân đến hết ngày 31/03/2012, tài sản đảm bảo gồm có máy móc thiết bị trị giá 16.207.000.000, dây chuyền sản xuất nhôm nhựa tổng hợp 7.000.000.000, máy sản xuất đùn thanh nhựa 5.031.520.000, tài sản trên đất và quyền thuê đất tại Lô 1, cụm công nghiệp ngọc hồi, xã ngọc hồi, huyện thanh trì trị giá 11.403.100.000, hàng tồn kho luân chuyển tại khu công nghiệp châu sơn, phủ lý và kho Lô 1, cụm cn ngọc hồi trị giá 100.000.000.000. Lãi suất vay theo từng khế ước.

- Hợp đồng tín dụng số 101.11.004.369260.TD.DN ngày 30/01/2011 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội. Hạn mức tín dụng là 126.000 USD. Lãi suất vay của USD được nhận theo từng khế ước. Thời hạn vay là 48 tháng.

(**) Hợp đồng tín dụng số HKI/HĐTD/11053 ngày 12/07/2011 giữa Công ty với Ngân hàng Ngoại thương - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng. Lãi suất vay của VND là 19,3%/năm và của USD

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế GTGT đầu ra	1.535.828.342	941.608.541
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	276.344.789	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	81.001.588	361.393.333
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.863.252.602	1.243.844.413
Thuế Thu nhập cá nhân	546.320.507	388.510.003
Cộng	7.302.747.828	2.935.356.290
13. Chi phí phải trả	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng	-	345.163.733
Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng Hà Nam	560.384.032	-
Chi phí phải trả khác	3.972.164	-
Cộng	564.356.196	345.163.733
14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	240.541.914	427.157.072
Kinh phí công đoàn	60.018.700	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011
 (tiếp theo)

Bảo hiểm xã hội, y tế	515.000.866	428.238.739
Phải trả, phải nộp khác	6.077.490.661	3.245.628.640
<i>Ông Nguyễn Bá Hùng</i>	5.099.500.000	-
<i>Các đối tượng khác</i>	977.990.661	-
Phải trả tiền cổ tức	8.238.540.000	4.245.220.000
Bảo hiểm thất nghiệp	66.861.231	20.076.216
Cộng	15.198.453.432	8.366.320.667
15. Vay và nợ dài hạn	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	21.613.066.241	13.403.873.592
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu (1)</i>	-	4.780.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội (2)</i>	21.613.066.241	8.623.873.592
<i>VND</i>	3.427.757.040	-
<i>USD(2)</i>	18.185.309.201	8.623.873.592
<i>Nợ dài hạn (3)</i>	12.915.780.342	1.951.717.626
<i>Công ty CP cho thuê tài chính NH Ngoại thương</i>	12.915.780.342	1.951.717.626
Cộng	34.528.846.583	15.355.591.218

(1) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số SHN.02141207/02TDDN giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở Giao dịch Hà Nội ngày 31/12/2007 với thời hạn vay 60 tháng (trong đó thời gian ân hạn là 12 tháng, thời gian trả nợ gốc là 48 tháng, thời gian trả lãi vay là 60 tháng) kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu, lãi suất vay 0,99%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng: Quyền sử dụng đất thuê (trả tiền một lần) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (hình thành trong tương lai) tại lô số 36, đường Tân Tạo, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Thành Phố Hồ Chí Minh với diện tích là 6.573,43 m² với thời hạn thuê là 43 năm (tính đến tháng 08/2050) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á trị giá 23.307.000.000 VND). Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai là hệ thống các máy cắt, máy hàn, máy cưa, dây chuyền sản xuất kính hộp và các máy móc khác thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á trị giá 2.000.000.000 VND.

(2) Là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 113.09.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 24/11/2009. Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 13/01/2013 với lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân là 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng: Hợp đồng tín dụng số 203.10.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 20/08/2010. Số tiền vay theo hợp đồng là 169.330 USD, gốc thanh toán định kỳ 3 tháng một lần kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2010. Ngày trả nợ cuối cùng là 36 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, với lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân là 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho chậm luân chuyển trị giá 70.000.000.000 VND và hai (02) dây chuyền máy đùn thanh Profile theo hợp đồng ngoại thương số DA-DONGXU 10.01 ngày 20 tháng 05 năm 2010. Theo Hợp đồng tín dụng số 284.10.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 22/10/2010. Ngày trả nợ cuối cùng là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên (ngày 28/10/2015) với lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân 6,8%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống nhà xưởng, máy móc, hàng tồn kho luân chuyển và máy móc thiết bị với tổng trị giá là 132.375.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011
 (tiếp theo)

(3) Hợp đồng Thuê tài chính giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 28/05/2010, tổng giá trị 157.872 USD, thời hạn thuê là 50 tháng, lãi suất cho thuê bằng lãi suất cơ bản do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 0,25%/tháng. Tài sản thuê tài chính là Dây chuyền sản xuất cửa hợp kim nhôm vách dựng đã được Công ty chuyển giao cho Công ty con là Công ty TNHH Smartwidow Việt Nam.

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	9.353.236	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	9.353.236	-
17. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư PT nhà và đô thị VINACONEX	345.814.273	16.366.447.135
Công ty CP Xây dựng số 1 Hà Nội	9.494.108.606	-
Công ty cổ phần xây dựng và sản xuất Nam á	-	633.496.500
Công ty DIMENSION INTERNATIONAL CORP PAID	5.792.586	5.792.586
Công ty CP ĐT và XD Sông Đà	-	2.521.778.642
Công ty CP XD & KD Nhà Vĩnh Phúc	-	640.952.727
Công ty Công nghệ Mới và DL Newtaco	-	1.457.163.504
Công ty CPXDBT Hồ Chí Minh	-	1.931.818.182
Công ty CP Xây Dựng Số 3 Hà Nội	-	1.127.432.748
Công ty CP KD Nhà Thừa Thiên Huế	-	962.899.723
Công ty CPTĐ đầu tư Ba Đình	-	1.003.658.557
Công ty CP Xây dựng số 2	1.254.807.093	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Thành An 386	746.549.964	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô Thị Việt Hưng	263.825.066	-
Công ty CP Xây dựng số 1	7.298.196.193	-
Các công trình khác	909.770.825	-
Cộng	20.318.864.606	26.651.440.304

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2010	100.000.000.000	-	17.009.733.851	117.009.733.851
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	20.098.839.989	20.098.839.989
Chi trả cổ tức	-	-	(14.034.400.000)	(14.034.400.000)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011
 (tiếp theo)

Trích các quỹ	-	-	(2.884.710.768)	(2.884.710.768)
Giảm khác	-	-	(1.344.918.470)	(1.344.918.470)
Số dư tại ngày 31/12/2010	100.000.000.000		18.844.544.602	118.844.544.602
Tăng vốn trong kỳ này	25.000.000.000	4.050.000.000	-	29.050.000.000
Lãi trong kỳ này	-	-	14.460.300.143	14.460.300.143
Chia cổ tức	-	-	(14.000.000.000)	(14.000.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	(2.487.165.116)	(2.487.165.116)
Giảm khác	-	-	(1.785.436.089)	(1.785.436.089)
Số dư tại ngày 31/12/2011	125.000.000.000	4.050.000.000	15.032.243.540	144.082.243.540

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Hùng Phát	31.812.000.000	28.920.000.000
Nguyễn Bá Hùng	40.067.500.000	36.425.000.000
Nguyễn Thị Tính	165.000.000	150.000.000
Việt Nam Growth Capital L.L.C	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Tam Sơn	12.500.000.000	-
Các cổ đông khác	35.455.500.000	29.505.000.000
Cộng	125.000.000.000	100.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	125.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp đầu kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	25.000.000.000	-
Vốn góp cuối kỳ	125.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.000.000.000	14.034.400.000

d) Cổ phiếu	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.500.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.500.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.500.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.500.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.500.000	10.000.000

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

e) Các quỹ của công ty	01/01/2011	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2011
	Quỹ đầu tư phát triển	2.441.189.359	798.493.494	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

(tiếp theo)

Quỹ dự phòng tài chính	1.983.695.358	792.585.653	-	2.776.281.011
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	961.570.256	798.493.494	-	1.760.063.750
Tổng cộng	5.386.454.973	2.389.572.641	-	7.776.027.614

Mục đích trích lập các quỹ tại Công ty

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

19. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	434.329.603.066	197.766.843.605
Doanh thu hoạt động lắp đặt	38.679.764.614	-
Doanh thu bán hàng hóa	130.570.303.922	131.497.506.358
Doanh thu khác	-	1.812.272.363
Cộng	603.579.671.602	331.076.622.326

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	548.852.433	1.889.635.685
Giảm giá hàng bán	719.553.179	-
Hàng bán trả lại	2.448.711.454	823.151.982
Cộng	3.717.117.066	2.712.787.667,00

21. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm	430.612.486.000	195.054.055.938
Doanh thu thuần bán hàng hóa	130.570.303.922	131.497.506.358
Doanh thu thuần hoạt động lắp đặt	38.679.764.614	-
Doanh thu thuần khác	-	1.812.272.363
Cộng	599.862.554.536	328.363.834.659

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011
 (tiếp theo)

22. Giá vốn hàng bán	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn bán thành phẩm	348.469.425.354	168.593.481.616
Giá vốn hoạt động lắp đặt	38.905.500.031	-
Giá vốn bán hàng hóa	122.727.159.107	90.987.081.814
Giá vốn khác	-	-
Cộng	510.102.084.492	259.580.563.430
23. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi	116.688.573	51.703.818
Cộng	116.688.573	51.703.818
24. Chi phí tài chính	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí lãi vay	34.207.758.810	13.308.579.148
Chi phí tài chính khác	2.295.004.549	3.855.618.039
Cộng	36.502.763.359	17.164.197.187
25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.460.300.143	20.098.839.989
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.836.310	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.222	2.010

VII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

VII Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Giao dịch với các bên liên quan	Quan hệ với Công ty	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Bán hàng			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	31.065.128.928	51.235.097.301
Công ty Tam Sơn	Cổ đông chiến lược	4.405.690.835	-
Mua hàng			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	49.777.844.151	20.987.775.545
Công ty Tam Sơn	Cổ đông chiến lược	132.959.211.703	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Năm 2011
 (tiếp theo)

1.2 Số dư với các bên liên quan	Quan hệ với Công ty	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Các khoản phải thu			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đồng sáng lập	13.704.368.918	1.846.169.418
Các khoản phải trả			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đồng sáng lập	-	15.536.562.577
Công ty Tam Sơn	Cổ đồng chiến lược	29.220.214.399	-
Phải trả tiền vay			
Bà Trần Thị Lê Hải	Cổ đồng sáng lập	-	2.400.000.000
Ông Nguyễn Bá Hùng	Cổ đồng sáng lập	5.099.500.000	-

2. Những thông tin khác

2.1 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

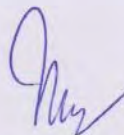
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập



Nguyễn Thu Hiền

Kế toán trưởng



Mai Thu Hà

Tổng Giám đốc




Trần Thị Lê Hải